SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU; Thời gian ký: 14/11/2024 14:23:42 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3549 /QĐ-UBND	*Vĩnh Cửu, ngày 13 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện (Lần 5).

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 3533/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện (Lần 5);

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 157/TTr-TCKH ngày 11 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện (Lần 5).

(Đính kèm biểu chi tiết).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Các phòng, Ban, cơ quan chuyên môn được UBND huyện giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư, Chủ tịch UBND các xã, TT Vĩnh An tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- UBND Tỉnh Đồng Nai (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Sở KH&ĐT (b/c);
- TT Huyện ủy, TTHĐND huyện; (b/c)
- CT, Các Phó Chủ Tịch UBND huyện;
- Chánh, Phó VP HĐND &UBND huyện;
- Lưu: VT + THKT

CHỦ TỊCH

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Quang Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BẢNG CÔNG BỐ CÔNG KHAI TỔNG HỢP NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN (LẦN 5)

(Kèm theo Quyết định số: 3549/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025 đã giao tại Nghị quyết 153/NQ-HĐND ngày 31/7/2024	Nội dung điều chỉnh		Kế hoạch năm 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
	Tổng cộng	**1.791.955**	**19.304**	**22.332**	**1.788.927**	
1	Nguồn vốn ngân sách tập trung	645.808		-	645.808	
2	Nguồn vốn Xổ số kiến thiết	457.097	19.304	-	476.401	Bố trí lại nguồn thưởng vượt thu đã nộp trả
3	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	575.000		-	575.000	
4	Nguồn Tài nguyên nước	30.050			30.050	
5	Nguồn thưởng vượt thu	70.000		22.332	47.668	Nộp trả ngân sách tỉnh
6	Nguồn thu phí sử dụng hạ tầng	14.000			14.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIỂU CÔNG BỐ CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĨNH CỬU (Lần 5)

(Kèm theo Quyết định số 3549/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 5						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT	
1	2	3	4	5	6=sum(7:12)	7	8	9	10	11	12	13=sum(14:19)	14	15	16	17	18	19	20=sum(21:26)	21=7+14	22=8+15	23=9+16	24=10+17	25=11+18	26=12+19	
	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN (2021-2025)				**1.791.955**	**645.808**	**457.097**	**575.000**	**30.050**	**70.000**	**14.000**	**-3.028**		**19.304**			**-22.332**		**1.788.927**	**645.808**	**476.401**	**575.000**	**30.050**	**47.668**	**14.000**	
	KẾ HOẠCH PHÂN BỔ NGUỒN VỐN				**1.733.670**	**627.614**	**436.730**	**555.276**	**30.050**	**70.000**	**14.000**	**13.404**	**9.299**	**21.304**	**5.740**	**0**	**-22.332**	**0**	**1.747.681**	**636.913**	**458.034**	**561.016**	**30.050**	**47.668**	**14.000**	
I	**Trả nợ nguồn vốn vay + vốn cấp phát sau quyết toán**			**22.072**	**14.072**	**14.072**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**14.072**	**14.072**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Trả nợ vốn vay		2021	2.427	2.427	2.427													2.427	2.427	0	0	0	0	0	
2	Cấp phát sau quyết toán			19.645	11.645	11.645													11.645	11.645	0	0	0	0	0	
II	**Lĩnh vực giao thông**			**1.487.319**	**691.125**	**223.554**	**63.654**	**341.867**	**30.050**	**32.000**	**-**	**8.795**	**-27.432**	**25.250**	**28.400**	**-**	**-17.423**	**-**	**699.920**	**196.122**	**88.904**	**370.267**	**30.050**	**14.577**	**-**	
I.1	**Công trình chuyển tiếp**			**331.557**	**187.015**	**66.899**	**-**	**120.116**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.000**	**-**	**-1.000**	**-**	**-**	**-**	**187.015**	**67.899**	**-**	**119.116**	**-**	**-**	**-**	
1	Đường Vĩnh Tân - Tân An (giai đoạn 1)	Xã Vĩnh Tân - Tân An	2020-2023	16.800	8.731	8.731						0							8.731	8.731	0	0	0	0	0	Ban QLDA
2	Nâng cấp Hương lộ 9 Thành Đức - Tân Bình	Xã Tân Bình	2021-2024	169.989	99.197	23.698		75.499				0							99.197	23.698	0	75.499	0	0	0	Ban QLDA
3	Nâng cấp Hương lộ 7 Tân Bình - Bình Lợi	Xã Tân Bình - Bình Lợi	2021-2024	143.268	77.587	33.970		43.617				0	1.000		-1.000				77.587	34.970	0	42.617	0	0	0	Ban QLDA
4	Nâng cấp Hương lộ 15	Xã Tân Bình - Bình Lợi	2019-2022	1.200	1.200	200		1.000				0							1.200	200	0	1.000	0	0	0	Ban QLDA
5	Hỗ trợ UBND xã Thiện Tân bồi thường Xây dựng đường Ông Thanh nhánh 1	Thiện Tân	2019-2021	220	220	220						0							220	220	0	0	0	0	0	UBND xã Thiện Tân
6	Hỗ trợ UBND xã Thiện Tân bồi thường Xây dựng đường Ông Thanh nhánh 2	Thiện Tân	2019-2021	80	80	80						0							80	80	0	0	0	0	0	UBND xã Thiện Tân
II.2	**Dự án khởi công mới**			**1.155.762**	**504.110**	**156.655**	**63.654**	**221.751**	**30.050**	**32.000**	**-**	**8.795**	**-28.432**	**25.250**	**29.400**	**-**	**-17.423**	**-**	**512.905**	**128.223**	**88.904**	**251.151**	**30.050**	**14.577**	**-**	
	Lĩnh vực giao thông (huyện quản lý)			**1.001.285**	**377.001**	**125.499**	**20.000**	**199.502**	**-**	**32.000**	**-**	**11.827**	**-25.400**	**25.250**	**29.400**	**-**	**-17.423**	**-**	**388.828**	**100.099**	**45.250**	**228.902**	**-**	**14.577**	**-**	
1	Xây dựng vỉa hè tuyến đường ĐT.768 nối dài giai đoạn 2 (đoạn còn lại)	TT Vĩnh An	2023-2025	52.525	10.000	10.000						0	-9.400		9.400				10.000	600	0	9.400	0	0	0	Ban QLDA
2	Xây dựng cầu tổ 6A khu phố 6 nối khu phố 5	TT Vĩnh An	2022-2024	5.532	5.189	5.189						0							5.189	5.189	0	0	0	0	0	Ban QLDA
3	Đường khu tái định cư ấp Bình Chánh	Xã Tân An	2022-2024	5.722	5.470	5.470						0							5.470	5.470	0	0	0	0	0	Ban QLDA
4	Xây dựng vỉa hè tuyến đường ĐT.768 nối dài giai đoạn 1 (đoạn từ TTGDNN-GDTX đến giáp đường ĐT 762)	TT Vĩnh An	2021-2024	14.500	13.544	13.544						0							13.544	13.544	0	0	0	0	0	Ban QLDA
5	Cầu và đường dẫn Bình Lục - Tân triều	Xã Tân Bình	2022-2024	37.847	35.000	35.000						-7.000	-7.000						28.000	28.000	0	0	0	0	0	Ban QLDA
6	Đường Kỳ Lân, xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2023-2026	140.101	78.000		20.000	58.000				21.000	11.000	10.000					99.000	11.000	30.000	58.000	0	0	0	Ban QLDA
7	Nâng cấp đường Chu Văn An, TT Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	75.000	70.500	20.500		18.000		32.000		-12.173	-10.000	15.250			-17.423		58.327	10.500	15.250	18.000	0	14.577	0	Ban QLDA
8	Xây dựng đường N3 (đường Ngô Quyền), giai đoạn 1 và đường số 10 trong khu Trung tâm Văn hóa - thông tin và thể thao huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	17.076	15.000			15.000				0							15.000	0	0	15.000	0	0	0	Ban QLDA
9	Nâng cấp đường Hương Lộ 6, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2026	411.882	40.000	20.000		20.000				-20.000	-20.000						20.000	0	0	20.000	0	0	0	Ban QLDA
10	Đường Lý Thái tổ, đoạn từ ĐT 762 đến đường Võ Văn Tần	TT Vĩnh An	2023-2025	63.121	5.000			5.000				0							5.000	0	0	5.000	0	0	0	Ban QLDA
11	Cải tạo cảnh quan trước cổng trường TH-THCS Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	1.317	1.317	1.317						0							1.317	1.317	0	0	0	0	0	Ban QLDA
12	Đường kết nối, dẫn vào Cầu Hiếu Liêm	Xã Trị An	2023-2026	94.688	20.000	10.000		10.000				30.000	10.000		20.000				50.000	20.000	0	30.000	0	0	0	Ban QLDA
13	Đại tu, sửa chữa đường Long Chiến	Xã Bình Lợi	2023-2025	7.327	6.978			6.978				0							6.978	0	0	6.978	0	0	0	Ban QLDA
14	Đại tu, sửa chữa Đường Bình Hòa- Cây Dương (Đoạn từ Km3+700 đến Km7+700)	Xã Bình Hòa	2023-2025	14.894	13.560			13.560				0							13.560	0	0	13.560	0	0	0	Ban QLDA
15	Đại tu, sửa chữa đường Bình Chánh, ấp 4 (đoạn từ Km5+150 đến Km8+270)	Xã Phú Lý	2023-2025	13.115	12.490			12.490				0							12.490	0	0	12.490	0	0	0	Ban QLDA
16	Đại tu, sửa chữa đường Quang Trung	TT Vĩnh An	2023-2025	14.407	13.747			13.747				0							13.747	0	0	13.747	0	0	0	Ban QLDA
17	Trung tu, sửa chữa đường Đa Lộc, ấp 1, xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	7.597	7.597			7.597				0							7.597	0	0	7.597	0	0	0	UBND xã Bình Lợi
18	Đại tu, sửa chữa tuyến đường trục chính xã Hiếu Liêm (đoạn từ từ tiếp giáp Công ty thủy điện Trị An đến ngã ba giao đường Hiếu Liêm)	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	8.537	8.000			8.000				0							8.000	0	0	8.000	0	0	0	Phòng KT-HT
19	Đại tu, sửa chữa đường 322A, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	5.182	5.000			5.000				0							5.000	0	0	5.000	0	0	0	Phòng KT-HT
20	Đại tu, sửa chữa đường Xóm Rạch, xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	6.436	6.130			6.130				0							6.130	0	0	6.130	0	0	0	Phòng KT-HT
21	Sửa chữa, nâng cấp đường vào nhà bia thành lập chi bộ Bình Phước - Tân Triều, xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2024-2026	4.479	4.479	4.479						0							4.479	4.479	0	0	0	0	0	UBND xã Tân Bình
	Đường xã, đầu tư XHH			**154.477**	**127.109**	**31.156**	**43.654**	**22.249**	**30.050**	**-**	**-**	**-3.032**	**-3.032**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**124.077**	**28.124**	**43.654**	**22.249**	**30.050**	**-**	**-**	
1	Đường Kênh N1 (Đoạn còn lại), xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	4.914	3.847	2.036	1.664		147			0							3.847	2.036	1.664	0	147	0	0	UBND xã Tân an
2	Đường tổ 3, ấp 3, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2023	1.694	847	595	252					0							847	595	252	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý
3	Đường tổ 10, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	1.841	1.420	827	593					0							1.420	827	593	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý
4	Đường tổ 8-N2, ấp Bàu Phụng, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	2.256	5.288	4.338	950					-3.032	-3.032						2.256	1.306	950	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý
5	Đường số N7, liên ấp 1&3 (GĐ 1), xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	25.484	20.114	15.075	5.039					0							20.114	15.075	5.039	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý
6	Đường nhánh tổ 10, ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	625	491	283	208					0							491	283	208	0	0	0	0	UBND xã Hiếu Liêm
7	Đường nội đồng Giáo Tùng (giai đoạn 2), xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	16.144	16.144	4.748	1.396	10.000				0							16.144	4.748	1.396	10.000	0	0	0	UBND xã Bình Lợi
8	Đường hẻm 12-14 ấp Bình Ý	Xã Tân Bình	2023-2025	1.185	929	529	400					0							929	529	400	0	0	0	0	UBND xã Tân Bình
9	Đường hẻm 21, đường sân banh ấp Bình Ý	Xã Tân Bình	2023-2025	913	716	409	307					0							716	409	307	0	0	0	0	UBND xã Tân Bình
10	Đường hẻm 291, 169 ấp Bình Lục	Xã Tân Bình	2023-2025	1.176	921	524	397					0							921	524	397	0	0	0	0	UBND xã Tân Bình
11	Đường số 8, ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	2.387	1.868	1.058	810					0							1.868	1.058	810	0	0	0	0	UBND xã Mã Đà
12	Đường số 9, ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	913	715	407	308					0							715	407	308	0	0	0	0	UBND xã Mã Đà
13	Đường số 11 giai đoạn 2 ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	725	569	327	242					0							569	327	242	0	0	0	0	UBND xã Mã Đà
14	Đường tổ 05, ấp 1 xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2020-2022	761	245		245					0							245	0	245	0	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
15	Đường liên ấp 3-6 nhánh 2, ấp 3, xã Vĩnh Tân (giai đoạn 2)	Xã Vĩnh Tân	2020-2022	1.723	1.339		512	827				0							1.339	0	512	827	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
16	Đường liên ấp 2-5 nhánh 1, xã Vĩnh Tân (giai đoạn 2)	Xã Vĩnh Tân	2020-2022	1.923	1.411		614	797				0							1.411	0	614	797	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
17	Đường tổ 2-4 ấp 5, xã Vĩnh Tân (Đường liên ấp 2-5 nhánh 2, xã Vĩnh Tân)(giai đoạn 2)	Xã Vĩnh Tân	2020-2022	1.476	1.209		519	690				0							1.209	0	519	690	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
18	Đường Cây Cầy đi Long Thành (giai đoạn 3), xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	251	198		80		118			0							198	0	80	0	118	0	0	UBND xã Phú Lý
19	Đường tổ 5 ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	920	722		310		412			0							722	0	310	0	412	0	0	UBND xã Phú Lý
20	Đường tổ 9, ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	909	709		303		406			0							709	0	303	0	406	0	0	UBND xã Phú Lý
21	Đường tổ 10, ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	717	563		241		322			0							563	0	241	0	322	0	0	UBND xã Phú Lý

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 5						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT	
22	Đường Bàu Điền, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	12.580	9.000		4.000		5.000			0							9.000	0	4.000	0	5.000	0	0	UBND xã Phú Lý
23	Đường Tổ 3, ấp 1, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	813	670		282		388			0							670	0	282	0	388	0	0	UBND xã Phú Lý
24	Đường Tổ 7, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	1.269	1.026		436		590			0							1.026	0	436	0	590	0	0	UBND xã Phú Lý
25	Đường tổ 56, ấp Bàu Phụng xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	1.032	859		347		512			0							859	0	347	0	512	0	0	UBND xã Phú Lý
26	Đường tổ 2, ấp 5, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022-2024	1.774	1.409		558		851			0							1.409	0	558	0	851	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
27	Đường tổ 11, ấp 4, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022-2024	1.968	1.568		611		957			0							1.568	0	611	0	957	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
28	Đường tổ 11, ấp 6, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022-2024	1.834	1.461		570		891			0							1.461	0	570	0	891	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
29	Đường tổ 9, ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2024	458	360		152		208			0							360	0	152	0	208	0	0	UBND xã Hiếu Liêm
30	Đường nhánh tổ 16, ấp 3, nhánh 1, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2024	520	408		172		236			0							408	0	172	0	236	0	0	UBND xã Hiếu Liêm
31	Đường nhánh tổ 16, ấp 3, nhánh 3, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2024	675	532		223		309			0							532	0	223	0	309	0	0	UBND xã Hiếu Liêm
32	Đường Tổ 15, ấp 1 xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022-2024	798	624		273		351			0							624	0	273	0	351	0	0	UBND xã Mã Đà
33	Đường Hẻm tổ 6-8 và Hẻm chợ cũ ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022-2024	917	717		312		405			0							717	0	312	0	405	0	0	UBND xã Mã Đà
34	Nâng cấp, sửa chữa Đường Đà Bèn xã Trị An	Xã Trị An	2022-2024	3.106	2.432		1.056		1.376			0							2.432	0	1.056	0	1.376	0	0	UBND xã Trị An
35	Nâng cấp Sửa chữa đường xóm Huế (đoạn 1) xã Trị An	Xã Trị An	2022-2024	2.638	2.164		923		1.241			0							2.164	0	923	0	1.241	0	0	UBND xã Trị An
36	Đường Xóm Dừa, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	1.020	802		338		464			0							802	0	338	0	464	0	0	UBND xã Thạnh Phú
37	Hẻm Tổ 12, 14, ấp 2 xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	455	359		149		210			0							359	0	149	0	210	0	0	UBND xã Thạnh Phú
38	Hẻm 668, 520, đường DT 768, ấp 4 xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	253	201		77		124			0							201	0	77	0	124	0	0	UBND xã Thạnh Phú
39	Hẻm 33, đường Cây Dầu, ấp 4, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	807	633		270		363			0							633	0	270	0	363	0	0	UBND xã Thạnh Phú
40	Hẻm Tổ 4, ấp 3, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	181	145		54		91			0							145	0	54	0	91	0	0	UBND xã Thạnh Phú
41	Hẻm tổ 7, ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	540	425		177		248			0							425	0	177	0	248	0	0	UBND xã Thạnh Phú
42	Nâng cấp đường vào xóm Miếu Bà – Vũng Vọng, ấp 1, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	1.034	809		350		459			0							809	0	350	0	459	0	0	UBND xã Thạnh Phú
43	Đường nhánh 1-2-3, tổ 3-10-13, KP 3, TT Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	978	782		297		485			0							782	0	297	0	485	0	0	UBND TT Vĩnh An
44	Đường số 10, tổ 12-13 khu phố 1, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	904	719		283		436			0							719	0	283	0	436	0	0	UBND TT Vĩnh An
45	Đường hẻm Đinh Thần, tổ 9, khu phố 4, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	1.156	911		380		531			0							911	0	380	0	531	0	0	UBND TT Vĩnh An
46	Đường liên hẻm khu phố 2, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	1.999	1.574		657		917			0							1.574	0	657	0	917	0	0	UBND TT Vĩnh An
47	Đường Hẻm 3 vào lò Gạch xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022-2024	1.101	863		371		492			0							863	0	371	0	492	0	0	UBND xã Thiện Tân
48	Đường Hẻm 87 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022-2024	798	627		266		361			0							627	0	266	0	361	0	0	UBND xã Thiện Tân
49	Đường Hẻm 67 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022-2024	1.139	893		382		511			0							893	0	382	0	511	0	0	UBND xã Thiện Tân
50	Đường Hẻm 1551 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022-2024	310	245		100		145			0							245	0	100	0	145	0	0	UBND xã Thiện Tân
51	Đường tổ 9E, đấu nối với đường số 7, ấp 1, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	3.704	2.911		1.234	1.677				0							2.911	0	1.234	1.677	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
52	Đường liên tổ 5-6, ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	653	518		206	312				0							518	0	206	312	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
53	Đường hẻm tổ 5.4, ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	639	504		207	297				0							504	0	207	297	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
54	Đường hẻm tổ 4, ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	786	621		255	366				0							621	0	255	366	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
55	Đường hẻm 83, liên ấp 7-6, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	992	783		323	460				0							783	0	323	460	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
56	Đường tổ 6, ấp 4 (giai đoạn 1), xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	1.994	2.454		1.020	1.434				0							2.454	0	1.020	1.434	0	0	0	UBND xã Phú Lý
57	Đường tổ 11, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	860	715		288	427				0							715	0	288	427	0	0	0	UBND xã Phú Lý
58	Hẻm tổ 5, ấp 5, xã Thạnh Phú	xã Thạnh Phú	2021-2023	313	247		100		147			0							247	0	100	0	147	0	0	UBND xã Thạnh Phú
59	Hẻm 81, 82, 83, ấp Tân Triều.	xã Tân Bình	2021-2023	788	619		261		358			0							619	0	261	0	358	0	0	UBND xã Tân Bình
60	Hẻm 157, 162 ấp Vĩnh Hiệp	xã Tân Bình	2021-2023	1.048	820		352		468			0							820	0	352	0	468	0	0	UBND xã Tân Bình
61	Đường hẻm 230, 176, ấp Vĩnh Hiệp	xã Tân Bình	2021-2023	707	557		232		325			0							557	0	232	0	325	0	0	UBND xã Tân Bình
62	Nâng cấp đường hẻm số 3, ấp Vĩnh Hiệp (nâng cấp)	xã Tân Bình	2021-2023	654	513		218		295			0							513	0	218	0	295	0	0	UBND xã Tân Bình
63	Đường Hồ Bông, tổ 8 ấp Cây Xoài xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	2.874	2.313		1.004		1.309			0							2.313	0	1.004	0	1.309	0	0	UBND xã Tân An
64	Đường nhánh tổ 7 ấp 6, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	952	750		314		436			0							750	0	314	0	436	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
65	Đường tổ 5, ấp 4 xã Vĩnh Tân (Đường tổ 4 ấp 2 nhánh 1(giai đoạn 2 xã Vĩnh Tân)	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	4.038	3.098		1.368		1.730			0							3.098	0	1.368	0	1.730	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
66	Đường nhánh tổ 19 ấp 6 nhánh 1, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	789	622		258		364			0							622	0	258	0	364	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
67	Đường tổ 10 ấp 1, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	1.334	1.046		448		598			0							1.046	0	448	0	598	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
68	Đường nhánh tổ 16 ấp 3 (nhánh 2), xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2023	861	675		290		385			0							675	0	290	0	385	0	0	UBND xã Hiếu Liêm
69	Đường nhánh tổ 14 ấp 3, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2023	795	624		267		357			0							624	0	267	0	357	0	0	UBND xã Hiếu Liêm
70	Đường nhánh tổ 11 ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2023	242	191		76		115			0							191	0	76	0	115	0	0	UBND xã Hiếu Liêm
71	Nâng cấp, sửa chữa đường Bến Đe nối dài đường Mía đường	Xã Trị An	2021-2023	3.713	3.050		1.290		1.760			0							3.050	0	1.290	0	1.760	0	0	UBND xã Trị An
72	Đường Lò Than, xã Trị An	Xã Trị An	2021-2023	1.952	1.480		634		846			0							1.480	0	634	0	846	0	0	UBND xã Trị An
73	Nâng cấp, Cải tạo Hẻm số 03 vào Đình Thần Bình Thạnh, ấp 3, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	1.798	1.082		442	640				0							1.082	0	442	640	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
74	Đường xóm tổ 9F1 đấu nối với đường số 7, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	1.781	1.184		499	685				0							1.184	0	499	685	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
75	Nâng cấp, Cải tạo Đường Tân Huệ ấp 7, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	4.128	3.340		1.422	1.918				0							3.340	0	1.422	1.918	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
76	Sửa chữa các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	4.088	2.909		1.190	1.719				0							2.909	0	1.190	1.719	0	0	0	UBND xã Bình Lợi
III	**Chi cho lĩnh vực quy hoạch và quản lý quy hoạch**			**8.920**	**8.601**	**8.151**	**-**	**450**	**-**	**-**	**-**	**634**	**634**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**9.235**	**8.785**	**-**	**450**	**-**	**-**	**-**	
III.1	**Công trình chuyển tiếp**			**2.999**	**2.730**	**2.730**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.730**	**2.730**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Bình Hòa	UBND Bình Hòa	2020-2022	350	271	271						0							271	271	0	0	0	0	0	UBND xã Bình Hoà
2	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân Bình	UBND Tân Bình	2020-2022	350	316	316						0							316	316	0	0	0	0	0	UBND xã Tân Bình
3	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Thiện Tân	UBND Thiện Tân	2020-2022	350	323	323						0							323	323	0	0	0	0	0	UBND xã Thiện Tân
4	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Trị An	UBND Trị An	2020-2022	350	255	255						0							255	255	0	0	0	0	0	UBND xã Trị An
5	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Tân	UBND Vĩnh Tân	2020-2022	383	383	383						0							383	383	0	0	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
6	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân An	UBND Tân An	2020-2022	350	316	316						0							316	316	0	0	0	0	0	UBND xã Tân An
7	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lý	UBND Phú Lý	2020-2022	447	447	447						0							447	447	0	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 5						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỜNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỜNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỜNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT	
8	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Mã Đà	UBND Mã Đà	2020-2022	419	419	419						0							419	419	0	0	0	0	0	UBDN xã Mã Đà
III.2	**Dự án khởi công mới**			**5.921**	**5.871**	**5.421**	-	**450**	-	-	-	**634**	**634**	-	-	-	-	-	**6.505**	**6.055**	-	**450**	-	-	-	
1	Cắm mốc hành lang bảo vệ Suối Sâu	TT Vĩnh An - xã Vĩnh Tân	2021-2022	527	477	27		450				0							477	27	0	450	0	0	0	Phòng KT-HT
2	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 thị trấn Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An	2022-2024	3.890	3.890	3.890						0							3.890	3.890	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT
3	Lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu TDC tại xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2021-2024	496	496	496						0							496	496	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT
4	Cắm mốc giới theo quy hoạch chung xây dựng xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2023-2025	610	610	610						0							610	610	0	0	0	0	0	UBND xã Thiện Tân
5	Cắm mốc giới theo quy hoạch chung xây dựng xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	398	398	398						0							398	398	0	0	0	0	0	UBND xã Mã Đà
6	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2024-2026									634	634						634	634	0	0	0	0	0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng
IV	**Chi lĩnh vực hoạt động QLNN, Đảng, đoàn thể**			**133.069**	**115.785**	**113.835**	-	**1.950**	-	-	-	**1.305**	**1.305**	-	-	-	-	-	**117.090**	**115.140**	-	**1.950**	-	-	-	
IV.1	**Công trình chuyển tiếp**			**26.727**	**14.525**	**14.525**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**14.525**	**14.525**	-	-	-	-	-	
1	Xây dựng mới một số phòng chức năng thuộc UBND huyện (Phòng làm việc của Ban QLDA + TT PTQĐ vv…)	TT Vĩnh An	2020-2022	14.982	5.960	5.960						0							5.960	5.960	0	0	0	0	0	Ban QLDA
2	Bồi thường bổ sung do thu hồi đất dự án xây dựng UBND xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	1.823	1.823	1.823						0							1.823	1.823	0	0	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
3	Bồi thường bổ sung dự án xây dựng trụ sở UBND xã Thạnh Phú cho ông Nguyễn Tấn Dực (theo KL của tòa án tối cao)	Xã Thạnh Phú	2021-2023	3.022	3.022	3.022						0							3.022	3.022	0	0	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
4	Xây dựng mới phòng Tài chính - Kế hoạch	TT Vĩnh An	2020-2022	6.900	3.720	3.720						0							3.720	3.720	0	0	0	0	0	Ban QLDA
IV.2	**Dự án khởi công mới**			**106.342**	**101.260**	**99.310**	-	**1.950**	-	-	-	**1.305**	**1.305**	-	-	-	-	-	**102.565**	**100.615**	-	**1.950**	-	-	-	
1	Xây dựng Nhà một cửa và tiếp công dân xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022-2024	2.262	2.262	2.262						0							2.262	2.262	0	0	0	0	0	Ban QLDA
2	Xây dựng Nhà một cửa và tiếp công dân xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2024	2.067	2.067	2.067						0							2.067	2.067	0	0	0	0	0	Ban QLDA
3	Xây dựng hội trường UBND xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	2.100	2.005	2.005						0							2.005	2.005	0	0	0	0	0	Ban QLDA
4	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhà quân sự UBND TT VA	TT Vĩnh An	2021-2023	3.000	2.967	2.967						0							2.967	2.967	0	0	0	0	0	Ban QLDA
5	Sửa chữa một số hạng mục trụ sở phòng Tư pháp	TT Vĩnh An	2021-2022	1.286	1.286	1.286						0							1.286	1.286	0	0	0	0	0	Ban QLDA
6	Sửa chữa hội trường UBND xã Thiện Tân	xã Thiện Tân	2022-2024	2.800	2.800	2.800						0							2.800	2.800	0	0	0	0	0	Ban QLDA
7	Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn huyện Ủy	Huyện Vĩnh Cửu	2022-2024	2.621	2.280	2.280						0							2.280	2.280	0	0	0	0	0	VP Huyện Ủy
8	Cải tạo cảnh quan và nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND huyện Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	2023-2025	14.999	14.999	14.999						0							14.999	14.999	0	0	0	0	0	Ban QLDA
9	Cải tạo, sửa chữa và xây mới nhà kho trong trụ sở UBMTTQ và đoàn thể huyện Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	2023-2025	5.668	5.000	5.000						0							5.000	5.000	0	0	0	0	0	Ban QLDA
10	Xây dựng hội trường và nâng cấp sửa chữa một số hạng mục UBND xã Tân Bình	xã Tân Bình	2023-2025	4.990	4.990	4.990						0							4.990	4.990	0	0	0	0	0	UBND xã Tân Bình
11	Xây dựng phòng làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã Tân An	Xã Tân An	2021-2022	2.500	1.950			1.950				0							1.950	0	0	1.950	0	0	0	UBND xã Tân An
12	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục trụ sở UBND xã Bình Hòa	Xã Bình Hòa	2023-2025	1.905	1.905	1.905						0							1.905	1.905	0	0	0	0	0	UBND xã Bình Hòa
13	Sửa chữa hàng rào và nâng cấp sân trụ sở UBND xã Trị An	Xã Trị An	2023-2025	4.923	4.923	4.923						0							4.923	4.923	0	0	0	0	0	UBND xã Trị An
14	Xây dựng kho lưu trữ Huyện ủy	TT Vĩnh An	2023-2025	2.283	2.283	2.283						-1.000	-1.000						1.283	1.283	0	0	0	0	0	VP Huyện ủy
15	Cải tạo, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị trung tâm GDTX-GDNN (cơ sở chính)	TT Vĩnh An	2023-2025	4.952	4.952	4.952						0							4.952	4.952	0	0	0	0	0	Trung tâm GDNN-GDTX
16	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở phòng Tài nguyên và Môi trường	TT Vĩnh An	2023-2025	14.317	13.500	13.500						0							13.500	13.500	0	0	0	0	0	Ban QLDA
17	Sửa chữa trụ sở UBND xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	4.911	4.911	4.911						0							4.911	4.911	0	0	0	0	0	Ban QLDA
18	Xây dựng Trụ sở và nâng cấp các khối nhà làm việc trong UBND xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	14.991	14.991	14.991						0							14.991	14.991	0	0	0	0	0	Ban QLDA
19	Trang bị màn hình Led hội trường và đèn Led khẩu hiệu tại công trụ sở Huyện ủy	TT Vĩnh An	2023-2025	1.274	1.274	1.274						0							1.274	1.274	0	0	0	0	0	VP Huyện ủy
20	Cải tạo, sửa chữa Huyện ủy Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	2024-2026	6.434	6.434	6.434						0							6.434	6.434	0	0	0	0	0	VP Huyện ủy
21	Xây dựng mới phòng họp và nhà bảo vệ UBND xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2024-2026	2.370	2.278	2.278						67	67						2.345	2.345	0	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý
22	Cải tạo, sửa chữa nhà một cửa và tiếp công dân xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2024-2026	1.203	1.203	1.203						0							1.203	1.203	0	0	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
23	Cải tạo nhà làm việc trụ sở UBND xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2024-2026	2.486								2.238	2.238						2.238	2.238	0	0	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
V	**Lĩnh vực cấp thoát nước, nước sạch**			**91.771**	**75.212**	**25.179**	**959**	**49.074**	-	-	-	**2.148**	**21.408**	-	**-19.260**	-	-	-	**77.360**	**46.587**	**959**	**29.814**	-	-	-	
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0	
1	Trạm bơm và đường ống cấp nước thô đến nhà máy nước sạch xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	14.000	14.869	14.869						0							14.869	14.869	0	0	0	0	0	Ban QLDA
2	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch khu vực ấp 1, 2 xã Trị An	Xã Trị An	2021-2023	5.000	3.959	3.000	959					0							3.959	3.000	959	0	0	0	0	Phòng KT-HT
3	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	20.089	18.000	4.500		13.500				0							18.000	4.500	0	13.500	0	0	0	Ban QLDA
4	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch dọc tuyến đường Long Chiến	Xã Bình Lợi	2023-2025	3.171	3.171			3.171				-400	1.510		-1.910				2.771	1.510	0	1.261	0	0	0	Phòng KT-HT
5	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch dọc tuyến đường Xóm Rạch	Xã Bình Lợi	2023-2025	3.121	3.121			3.121				-300	1.590		-1.890				2.821	1.590	0	1.231	0	0	0	Phòng KT-HT
6	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	8.200	6.560			6.560				0	3.941		-3.941				6.560	3.941	0	2.619	0	0	0	UBND xã Bình Lợi
7	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2023-2025	3.512	2.810	2.810						0							2.810	2.810	0	0	0	0	0	UBND xã Tân Bình
8	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025	12.069	9.655			9.655				-2.000	2.947		-4.947				7.655	2.947	0	4.708	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
9	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	11.680	9.344			9.344				-800	4.078		-4.878				8.544	4.078	0	4.466	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
10	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025	2.201	1.761			1.761				0	885		-885				1.761	885	0	876	0	0	0	UBND xã Tân An
11	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Hòa	Xã Bình Hòa	2023-2025	2.453	1.962			1.962				0	809		-809				1.962	809	0	1.153	0	0	0	UBND xã Bình Hòa
12	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Lợi (giai đoạn 2)	Xã Bình Lợi	2024-2026	6.275								5.648	5.648						5.648	5.648	0	0	0	0	0	UBND xã Bình Lợi
VI	**Lĩnh vực dịch vụ công ích (KTTC)**			**61.687**	**42.472**	**35.472**	-	**7.000**	-	-	-	**15.523**	**15.523**	-	-	-	-	-	**57.995**	**50.995**	-	**7.000**	-	-	-	
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 5						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT	
1	Hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện (giai đoạn 1)	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2022	6.000	5.396	5.396						0							5.396	5.396	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT
2	Trồng cây xanh tuyến đường Hương lộ 7	Huyện Vĩnh Cửu	2022-2024	3.917	3.854	3.854						0							3.854	3.854	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT
3	Trồng cây xanh tuyến đường Hương lộ 9	Huyện Vĩnh Cửu	2022-2024	4.881	4.809	4.809						0							4.809	4.809	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT
4	Hệ thống chiếu sáng đường trục 16, giai đoạn 2	xã Thạnh Phú	2023-2025	1.252	1.193	1.193						0							1.193	1.193	0	0	0	0	0	Ban QLDA
5	Hệ thống chiếu sáng đường Cộ Cây Xoài (đoạn còn lại)	Xã Tân An	2023-2025	2.674	2.600			2.600				0							2.600	0	0	2.600	0	0	0	Ban QLDA
6	Hệ thống chiếu sáng đường Bình Chánh (đoạn còn lại)	Xã Phú Lý	2023-2025	4.533	4.400			4.400				0							4.400	0	0	4.400	0	0	0	Phòng KT-HT
7	Hệ thống chiếu sáng đường ranh xã Thạnh Phú - Thiện Tân	Xã Thạnh Phú - Thiện Tân	2023-2025	1.850	1.850	1.850						0							1.850	1.850	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT
8	Hệ thống chiếu sáng đường Vĩnh Tân - Trị An (giai đoạn 1)	Xã Vĩnh Tân - Tân An	2023-2025	2.050	2.250	2.250						0							2.250	2.250	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT
9	Hệ thống chiếu sáng đường ĐT.768 các đoạn còn lại (từ Km25+700 đến Km29+100 và Km34+900 đến Km40+300)	Địa bàn huyện	2023-2025	9.080	8.700	8.700						0							8.700	8.700	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT
10	Hệ thống chiếu sáng đường vào Khu tái định cư ấp Thới Sơn	Xã Bình Hòa	2023-2025	750	750	750						0							750	750	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT
11	Hệ thống chiếu sáng đường Long Chiến	Xã Bình Lợi	2024-2026	2.690	2.690	2.690						-500	-500						2.190	2.190	0	0	0	0	0	Ban QLDA
12	Hệ thống chiếu sáng đường Ranh thị trấn Vĩnh An (giai đoạn 1)	TT Vĩnh An	2024-2026	2.180	2.180	2.180						-200	-200						1.980	1.980	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT
13	Hệ thống chiếu sáng đường Sở Quýt	xã Thiện Tân	2024-2026	1.800	1.800	1.800						0							1.800	1.800	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT
14	Cải tạo, sửa chữa và thay thế Hệ thống chiếu sáng, hệ thống đèn trang trí đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2024-2026	3.550								3.195	3.195						3.195	3.195	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT
15	Cải tạo, sửa chữa và thay thế Hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện (một số trạm còn sử dụng bóng đèn Sodium)	Địa bàn huyện	2024-2026	10.960								9.860	9.860						9.860	9.860	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT
16	Cải tạo, sửa chữa và thay thế Hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn huyện	Địa bàn huyện	2024-2026	3.520								3.168	3.168						3.168	3.168	0	0	0	0	0	Phòng KT-HT
VII	**Chỉ lĩnh vực điện**			**16.108**	**11.342**	**662**	**0**	**10.680**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**11.342**	**662**	**0**	**10.680**	**0**	**0**	**0**	
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0	
1	Hỗ trợ xây dựng mới đường dây hạ thế sau TBA ấp 2 - ấp Bàu Phụng xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	962	763			763				0							763	0	0	763	0	0	0	UBND xã Phú Lý
2	Đường dây hạ thế sau các TBA ấp 3-4 xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2021-2022	10.250	7.766			7.766				0							7.766	0	0	7.766	0	0	0	UBND xã Mã Đà
3	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 4	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	301	160			160				0							160	0	0	160	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
4	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 1	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	292	161			161				0							161	0	0	161	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
5	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 5	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	459	242			242				0							242	0	0	242	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
6	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 6-7, ấp 5	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	438	244			244				0							244	0	0	244	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
7	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 3	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	402	222			222				0							222	0	0	222	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
8	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 15, ấp 3	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	131	74			74				0							74	0	0	74	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
9	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 7 ấp 3	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	350	178			178				0							178	0	0	178	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
10	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 4 ấp 3	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	307	170			170				0							170	0	0	170	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
11	Xây mới đường dây hạ thế phục vụ sản xuất nông nghiệp khu Bàu Ngãi, ấp Thái An	Xã Tân An	2021-2022	1.554	700			700				0							700	0	0	700	0	0	0	UBND xã Tân An
12	Đường dây điện hạ thế tuyến đường Hồ Bông – Cây Xoài, xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025	459	459	459						0							459	459	0	0	0	0	0	UBND xã Tân An
13	Đường dây điện hạ thế tuyến đường tổ 4 ấp 3, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025	203	203	203						0							203	203	0	0	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
VIII	**Lĩnh vực nông nghiệp phục vụ sản xuất**			**18.658**	**17.966**	**15.252**	**0**	**2.714**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**17.966**	**15.252**	**0**	**2.714**	**0**	**0**	**0**	
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0	
1	Thay mới 10 máy bơm công suất 1000 m3/giờ và lắp mới 20 bộ tủ khởi động từ và biến tần các nhà trạm bơm	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	3.269	3.269	3.269						0							3.269	3.269	0	0	0	0	0	TTDVNN
2	Bê tông hóa kênh dẫn trạm bơm Bình Phước	xã Tân Bình	2021-2023	3.136	3.136	3.136						0							3.136	3.136	0	0	0	0	0	Ban QLDA
3	Xây mới, kè chống sạt lở trạm bơm Thiện Tân 3	xã Thiện Tân	2021-2023	1.500	808	808						0							808	808	0	0	0	0	0	Ban QLDA
4	Lắp đặt pa lăng trạm bơm Lợi Hòa, Tân An, Thiện Tân 1	xã Thiện Tân	2021-2023	674	674	674						0							674	674	0	0	0	0	0	TTDVNN
5	Bê tông hóa kênh dẫn trạm bơm Bình Hòa 1	Xã Bình Hòa	2022-2025	1.507	1.507	1.507						0							1.507	1.507	0	0	0	0	0	Ban QLDA
6	Kiểm định an toàn quy trình vận hành, quy chế phối hợp phương án PCLB hồ Mo Nang	xã Tân An	2021-2022	1.273	1.273	1.273						0							1.273	1.273	0	0	0	0	0	Phòng NN.PTNT
7	Bê tông hóa kênh dẫn trạm bơm Long Chiến	Xã Bình Lợi	2023-2025	2.714	2.714			2.714				0							2.714	0	0	2.714	0	0	0	Ban QLDA
8	Lắp đặt thiết bị quan trắc hồ Mo Nang	Huyện Vĩnh Cửu	2023-2025	1.500	1.500	1.500						0							1.500	1.500	0	0	0	0	0	Phòng NN.PTNT
9	Lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp hồ chứa nước Mo Nang	Xã Tân An	2023-2025	1.600	1.600	1.600						0							1.600	1.600	0	0	0	0	0	Phòng NN.PTNT
10	Gia cố mái taluy kênh chính hồ Mo Nang, xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025	1.485	1.485	1.485						0							1.485	1.485	0	0	0	0	0	TTDVNN
IX	**Chỉ lĩnh vực An ninh**			**55.215**	**49.173**	**49.173**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**-18.451**	**-18.451**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**30.722**	**30.722**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0	
1	Xây dựng nhà ở tập thể Công an huyện	TT. Vĩnh An	2021-2023	11.000	9.683	9.683						0							9.683	9.683	0	0	0	0	0	Ban QLDA
2	Xây dựng kho lưu trữ, hội trường (khoảng 200 chỗ ngồi) Công an huyện	TT. Vĩnh An	2023-2025	8.546	7.793	7.793						0							7.793	7.793	0	0	0	0	0	Ban QLDA
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Công an xã Thiện Tân	xã Thiện Tân	2023-2025	3.960	3.931	3.931						0							3.931	3.931	0	0	0	0	0	Ban QLDA
4	Xây mới một số hạng mục trụ sở Công an xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	5.212	5.212	5.212						0							5.212	5.212	0	0	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
5	Xây dựng Trụ sở Công an xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	22.554	22.554	22.554						-22.000	-22.000						554	554	0	0	0	0	0	Ban QLDA
6	Sửa chữa một số hạng mục Trụ sở Công an xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2024-2026	3.943								3.549	3.549						3.549	3.549	0	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý
X	**Chỉ lĩnh vực Quốc phòng**			**20.641**	**20.493**	**20.493**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**20.493**	**20.493**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0	
1	Xây dựng nhà trực ban nội vụ, nhà tiếp dân Ban CHQS huyện	TT. Vĩnh An	2023-2025	3.500	3.500	3.500						0							3.500	3.500	0	0	0	0	0	Ban QLDA
2	Xây dựng nhà để xe, kho lưu trữ tài liệu Ban CHQS huyện	TT. Vĩnh An	2021-2023	3.821	3.821	3.821						0							3.821	3.821	0	0	0	0	0	Ban QLDA
3	Công trình Quốc phòng (Căn cứ hậu cần - kỹ thuật kết hợp khu thao trường huấn luyện) huyện Vĩnh Cửu	Huyện VC	2021-2024	3.473	3.473	3.473						0							3.473	3.473	0	0	0	0	0	Ban CHQS
4	Sửa chữa trụ sở làm việc và nhà làm việc Quân sự xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	3.104	2.956	2.956						0							2.956	2.956	0	0	0	0	0	Ban QLDA
5	Sửa chữa mái, chống thấm UBND xã và Ban CHQS xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	1.259	1.259	1.259						0							1.259	1.259	0	0	0	0	0	Ban QLDA
6	Nâng cấp, mở rộng và xây mới một số hạng mục của Ban CHQS xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	3.278	3.278	3.278						0							3.278	3.278	0	0	0	0	0	Ban QLDA
7	Cải tạo, sửa chữa nhà quân sự xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025	2.206	2.206	2.206						0							2.206	2.206	0	0	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
XI	**Lĩnh vực khoa học công nghệ**			**49.178**	**49.178**	**21.378**	**0**	**27.800**	**0**	**0**	**0**	**-1.000**	**-1.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**48.178**	**20.378**	**0**	**27.800**	**0**	**0**	**0**	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 5						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT	THU PHÍ SĐHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT THU	THU PHÍ SĐHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT THU	THU PHÍ SĐHT	
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0	
1	Đầu tư nâng cấp thiết bị bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	1.327	1.327	1.327						0							1.327	1.327	0	0	0	0	0	VP. HĐND&UBND
2	Đầu tư hệ thống an ninh, an toàn thông tin trụ sở UBND huyện Vĩnh Cửu	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	1.944	1.944	1.944						0							1.944	1.944	0	0	0	0	0	VP. HĐND&UBND
3	Đầu tư trang thiết bị chi Khối Đảng + Khối nhà nước và đoàn thể (Thuộc danh mục mua sắm tập trung và không thuộc danh mục mua sắm tập trung)	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	2.143	2.143	2.143						0							2.143	2.143	0	0	0	0	0	Phòng TC-KH
4	Đầu tư trang thiết bị cho các phòng ban, cơ quan trên địa bàn huyện năm 2023	Huyện Vĩnh Cửu	2023-2025	2.500	2.500	2.500						0							2.500	2.500	0	0	0	0	0	Phòng TC-KH
5	Hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	2.686	2.686	2.686						-1.000	-1.000						1.686	1.686	0	0	0	0	0	UBND xã Bình Lợi
6	Đầu tư, mua sắm hạ tầng ứng dụng CNTT trong các cơ quan, đơn vị, địa phương phục vụ công tác chuyển đổi số	Huyện Vĩnh Cửu	2023-2025	10.778	10.778	10.778						0							10.778	10.778	0	0	0	0	0	Ban QLDA
7	Đầu tư hệ thống Truyền thanh thông minh - viễn thông và bảng điện tử trên địa bàn huyệnVĩnh Cửu	Huyện Vĩnh Cửu	2023-2025	27.800	27.800			27.800				0							27.800	0	0	27.800	0	0	0	Ban QLDA
XII	**Lĩnh vực môi trường**			**11.125**	**10.782**	**10.782**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**10.782**	**10.782**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0	
1	Xây dựng bãi tập kết rác tại Thị trấn Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An	2023-2025		0							0							0	0	0	0	0	0	0	UBND TT Vĩnh An
2	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022 -2024	1.795	1.795	1.795						0							1.795	1.795	0	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý
3	Xây dựng 02 trạm trung chuyển rác thải tại xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu liêm	2022 -2024	1.110	1.110	1.110						0							1.110	1.110	0	0	0	0	0	UBND xã Hiếu Liêm
4	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022 -2024	1.926	1.926	1.926						0							1.926	1.926	0	0	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
5	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022 -2024	1.042	1.042	1.042						0							1.042	1.042	0	0	0	0	0	UBND xã Mã Đà
6	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Tân An	Xã Tân An	2022 -2024	3.393	3.050	3.050						0							3.050	3.050	0	0	0	0	0	UBND xã Tân An
7	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Trị An	Xã Trị An	2024-2026	1.859	1.859	1.859						0							1.859	1.859	0	0	0	0	0	UBND xã Trị An
XIII	**Chỉ lĩnh vực Văn hóa thông tin**			**80.254**	**69.964**	**29.783**	**7.581**	**32.600**	**0**	**0**	**0**	**5.232**	**9.232**	**0**	**-4.000**	**0**	**0**	**0**	**75.196**	**39.015**	**7.581**	**28.600**	**0**	**0**	**0**	
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0	
1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các hạng mục trung tâm Văn hóa thông tin và Thể thao huyện (nhà thi đấu kết hợp biểu diễn triển lãm huyện)	TT Vĩnh An	2021-2023	7.902	6.000	6.000						0							6.000	6.000	0	0	0	0	0	Ban QLDA
2	Sửa chữa cổng chào huyện tại các xã Vĩnh Tân và Bình Hòa	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2022	2.803	2.803	2.803						0							2.803	2.803	0	0	0	0	0	Phòng VH-TT
3	Nâng cấp sửa chữa Trung tâm văn hóa xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025	3.246	3.214	3.214						0							3.214	3.214	0	0	0	0	0	Ban QLDA
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa khu phố 3, TT.Vĩnh An	TT Vĩnh An	2021-2023	498	498	498						0							498	498	0	0	0	0	0	UBND TT Vĩnh An
5	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa khu phố 8, TT.Vĩnh An	TT Vĩnh An	2021-2023	357	357	357						0							357	357	0	0	0	0	0	UBND TT Vĩnh An
6	Sửa chữa nhà văn hóa ấp Bình Trung, xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	366	366	366						0							366	366	0	0	0	0	0	UBND xã Tân An
7	Sửa chữa nhà văn hóa ấp 2, xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	395	395	395						0							395	395	0	0	0	0	0	UBND xã Tân An
8	Cải tạo, sửa chữa thư viện và kho lưu trữ huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	3.016	3.016	3.016						0							3.016	3.016	0	0	0	0	0	Ban QLDA
9	Xây mới hội trường, một số hạng mục và cải tạo Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	30.310	28.000			28.000				0	4.000		-4.000				28.000	4.000	0	24.000	0	0	0	Ban QLDA
10	Sửa chữa Trung tâm VHTT-HTCĐ xã, nhà văn hóa các ấp xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	4.833	4.600			4.600				0							4.600	0	0	4.600	0	0	0	UBND xã Bình Lợi
11	Xây mới nhà văn hóa ấp Bình Lục - Xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2021-2023	1.428	1.428		1.428					0							1.428	0	1.428	0	0	0	0	Ban QLDA
12	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục nhà văn hóa xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2023	3.500	3.500		3.500					0							3.500	0	3.500	0	0	0	0	Ban QLDA
13	Làm mới, lắp đặt hệ thống đèn Led phục vụ tết nguyên đán và các ngày lễ lớn trong năm	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2024	2.653	2.653		2.653					0							2.653	0	2.653	0	0	0	0	Phòng VH-TT
14	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	4.815	4.815	4.815						0							4.815	4.815	0	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý
15	Cải tạo, sửa chữa các nhà văn hóa ấp thuộc xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025	3.588	3.588	3.588						0							3.588	3.588	0	0	0	0	0	UBND xã Vĩnh Tân
16	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025	3.299	3.299	3.299						0							3.299	3.299	0	0	0	0	0	Ban QLDA
17	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1 và 2 xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2024-2026	1.432	1.432	1.432						0							1.432	1.432	0	0	0	0	0	UBND xã Mã Đà
18	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa kết hợp khu thể thao các ấp tại xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2024-2026	3.492								3.142	3.142						3.142	3.142	0	0	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
19	Cải tạo, sửa chữa trung tâm VHTT - HTCĐ xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2024-2026	2.321								2.090	2.090						2.090	2.090	0	0	0	0	0	UBND xã Thạnh Phú
XIV	**Lĩnh vực Thể dục - Thể thao**			**34.171**	**26.016**	**18.117**	**7.899**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5.473**	**5.473**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**31.489**	**23.590**	**7.899**	**0**	**0**	**0**	**0**	
XIV.1	**Công trình chuyển tiếp**			**2.700**	**2.450**	-	**2.450**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**2.450**	-	**2.450**	-	-	-	-	
1	Nâng cấp, cải tạo sân bóng đá xã Thiện tân	xã Thiện Tân	2020-2022	2.700	2.450		2.450					0							2.450	0	2.450	0	0	0	0	Ban QLDA
XIV.2	**Dự án khởi công mới**			**31.471**	**23.566**	**18.117**	**5.449**	-	-	-	-	**5.473**	**5.473**	-	-	-	-	-	**29.039**	**23.590**	**5.449**	-	-	-	-	
1	Lắp đặt trang thiết bị, dụng cụ tập luyện thể dục, thể thao trên địa bàn huyện	TT. Vĩnh An	2021-2023	3.480	3.480	3.480						0							3.480	3.480	0	0	0	0	0	Phòng VHTT
2	Xây dựng sân bóng đá kết hợp khu thể thao xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025	6.169	5.679	5.679						0							5.679	5.679	0	0	0	0	0	Ban QLDA
3	Xây dựng khu thể thao xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2023-2025	8.958	8.958	8.958						-1.200	-1.200						7.758	7.758	0	0	0	0	0	Ban QLDA
4	Lắp đặt trang thiết bị, dụng cụ tập luyện thể dục, thể thao và trò chơi trẻ em trên địa bàn huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	5.449	5.449		5.449					0							5.449	0	5.449	0	0	0	0	Phòng VHTT
5	Xây dựng một số hạng mục trong khuôn viên Trung tâm văn hoá xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2024-2026	2.310								2.079	2.079						2.079	2.079	0	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý
	Xây dựng mới một số hạng mục khu thể thao xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2024-2026	2.112								1.900	1.900						1.900	1.900	0	0	0	0	0	UBND xã Phú Lý
6	Xây dựng khu thể thao xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2024-2026	2.993								2.694	2.694						2.694	2.694	0	0	0	0	0	UBND xã Bình Lợi
XV	**Giáo dục- Đào tạo-Dạy nghề**			**717.208**	**448.307**	**11.700**	**349.887**	**48.720**	-	**38.000**	-	**-8.855**	-	**-3.946**	**0**	-	**-4.909**	-	**439.452**	**11.700**	**345.941**	**48.720**	-	**33.091**	-	
XV.1	**Công trình chuyển tiếp**			**311.455**	**191.613**	**5.350**	**186.263**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**191.613**	**5.350**	**186.263**	-	-	-	-	
1	XD mới trường Mầm non Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2020-2022	41.632	1.300		1.300					0							1.300	0	1.300	0	0	0	0	Ban QLDA
2	Xây mới khối lớp học 15 phòng trường THCS Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2020-2022	14.976	5.300		5.300					0							5.300	0	5.300	0	0	0	0	Ban QLDA
3	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn (đạt chuẩn quốc gia)	TT Vĩnh An	2020-2022	14.965	4.973		4.973					0							4.973	0	4.973	0	0	0	0	Ban QLDA
4	Trường Mầm non Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2020-2022	31.287	19.179		19.179					0							19.179	0	19.179	0	0	0	0	Ban QLDA
5	Trường Mầm non Sơn Ca (Mầm non Cây Gáo)	TT Vĩnh An	2020-2022	49.979	29.587		29.587					0							29.587	0	29.587	0	0	0	0	Ban QLDA
6	Xây dựng mới trường TH Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2020-2022	27.000	12.350		12.350					0							12.350	0	12.350	0	0	0	0	Ban QLDA
7	Xây mới trường Tiểu học - Trung học cơ sở Mã Đà (vốn huyện 22.033)	Xã Mã Đà	2020-2023	68.864	62.500	2.200	60.300					0							62.500	2.200	60.300	0	0	0	0	Ban QLDA

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 5						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT	
8	Trường Tiểu học Tân Phú (vốn huyện 12,434)	Xã Thạnh Phú	2020-2023	57.569	51.241	2.000	49.241					0							51.241	2.000	49.241	0	0	0	0	Ban QLDA
9	Xây dựng mô hình thư viện thân thiện tại các trường TH. THCS	Huyện Vĩnh Cửu	2020-2022	2.494	2.494	550	1.944					0							2.494	550	1.944	0	0	0	0	P. GD&ĐT
10	Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo stem trong trường học khối Tiểu học	Huyện Vĩnh Cửu	2020-2022	2.689	2.689	600	2.089					0							2.689	600	2.089	0	0	0	0	P. GD&ĐT
XV.2	**Dự án khởi công mới**			**405.753**	**256.694**	**6.350**	**163.624**	**48.720**	-	**38.000**	-	**-8.855**	-	**-3.946**	**0**	-	**-4.909**	-	**247.839**	**6.350**	**159.678**	**48.720**	-	**33.091**	-	
1	Mở rộng trường MN Họa Mi	Xã Thạnh Phú	2021-2023	13.555	13.421		13.421					0							13.421	0	13.421	0	0	0	0	Ban QLDA
2	Cải tạo sửa chữa trường MN Tân An	Xã Tân An	2022-2024	3.275	2.972		2.972					0							2.972	0	2.972	0	0	0	0	Ban QLDA
3	Xây dựng trường MN Bình Hòa (giai đoạn 2)	Xã Bình Hòa	2022-2023	11.112	11.112		11.112					0							11.112	0	11.112	0	0	0	0	Ban QLDA
4	Xây mới Trường tiểu học Cây Gáo B (cơ sở 2)	TT Vĩnh An	2022-2024	33.298	30.298		2.298			28.000		-636		4.054			-4.690		29.662	0	6.352	0	0	23.310	0	Ban QLDA
5	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học Tân An	Xã Tân An	2022-2024	12.113	11.245		11.245					0							11.245	0	11.245	0	0	0	0	Ban QLDA
6	Cải tạo sửa chữa trường tiểu học Tân Triều	Xã Tân Bình	2022-2024	12.077	12.077		959	1.118		10.000		-219					-219		11.858	0	959	1.118	0	9.781	0	Ban QLDA
7	Cải tạo sửa chữa trường TH Thiện Tân (cơ sở 2)	Xã Thiện Tân	2022-2024	2.986	1.600		1.600					0							1.600	0	1.600	0	0	0	0	Ban QLDA
8	Cải tạo sửa chữa trường THCS Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2023	3.841	3.841		3.841					0							3.841	0	3.841	0	0	0	0	Ban QLDA
9	Xây dựng nhà vệ sinh thân thiện, sáng, sạch, đẹp tại các trường MN- TH - THCS trên địa bàn huyện	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	1.491	1.491		1.491					0							1.491	0	1.491	0	0	0	0	Ban QLDA
10	Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo stem trong trường học khối THCS	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	2.658	2.658		2.658					0							2.658	0	2.658	0	0	0	0	P. GD&ĐT
11	Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo stem trong trường học khối MN	Huyện Vĩnh Cửu	2022-2024		0							0							0	0	0	0	0	0	0	P. GD&ĐT
12	Sửa chữa trường THCS Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	5.562	5.562		5.562					0							5.562	0	5.562	0	0	0	0	Ban QLDA
13	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Trị An (cơ sở 1)	Xã Trị An	2023-2025	3.212	3.212		3.212					0							3.212	0	3.212	0	0	0	0	Ban QLDA
14	Nâng cấp, mở rộng trường tiểu học Bàu Phụng	Xã Phú Lý	2023-2025	20.872	19.500		19.500					0							19.500	0	19.500	0	0	0	0	Ban QLDA
15	Xây dựng mới và cải tạo một số hạng mục trường TH Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2026	49.602	49.602		22.000	27.602				-8.000		-8.000					41.602	0	14.000	27.602	0	0	0	Ban QLDA
16	Xây dựng mới 01 khối phòng học và cải tạo, sửa chữa trường mầm non Phong Lan	TT Vĩnh An	2023-2025	19.799	19.799		19.799					0							19.799	0	19.799	0	0	0	0	Ban QLDA
17	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Sông Mây	Xã Vĩnh Tân	2023-2025	9.348	8.500		8.500					0							8.500	0	8.500	0	0	0	0	Ban QLDA
18	Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC trường tiểu học Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	3.251	3.100		3.100					0							3.100	0	3.100	0	0	0	0	Ban QLDA
19	Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC trường Mầm non Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	2.818	2.700		2.700					0							2.700	0	2.700	0	0	0	0	Ban QLDA
20	Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC trường tiểu học Cây Gáo A	TT Vĩnh An	2023-2025	3.034	2.900		2.900					0							2.900	0	2.900	0	0	0	0	Ban QLDA
21	Xây mới sân bóng đá các trường THCS trên địa bàn huyện	Địa bàn huyện	2024-2026	6.350	6.350	6.350						0							6.350	6.350	0	0	0	0	0	Ban QLDA
22	Xây dựng mới trường TH Kim Đồng (cơ sở 2)	TT Vĩnh An	2024-2026	44.754	44.754		24.754	20.000				-20.000		-10.000	-10.000				24.754	0	14.754	10.000	0	0	0	Ban QLDA
23	Xây dựng trường TH-THCS Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2024-2026	140.745								20.000		10.000	10.000				20.000	0	10.000	10.000	0	0	0	Ban QLDA
XVI	**Lĩnh vực đảm bảo xã hội**			**13.014**	**3.501**	**2.011**	-	**1.490**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**3.501**	**2.011**	-	**1.490**	-	-	-	
	Dự án khởi công mới											0							0	0	0	0	0	0	0	
1	Xây mới 100 vỗ mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Cửu	xã Thiện Tân	2021-2022	2.500	1.811	1.811						0							1.811	1.811	0	0	0	0	0	Ban QLDA
2	Cải tạo núi đá công viên, sửa chữa nhà quản trang nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Cửu	Xã Thiện Tân	2022-2024	8.224	200	200						0							200	200	0	0	0	0	0	Ban QLDA
3	Xây mới nhà bia ghi danh các liệt sĩ xã Tân An	Xã Tân An	2021-2022	2.290	1.490			1.490				0							1.490	0	0	1.490	0	0	0	UBND xã Tân An
XVII	**Chi lĩnh vực kinh tế khác**			**37.619**	**37.331**	-	-	**23.331**	-	-	**14.000**	-	-	-	-	-	-	-	**37.331**	-	-	**23.331**	-	-	**14.000**	
1	Khu tái định cư Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	30.431	30.431			16.431			14.000	0							30.431	0	0	16.431	0	0	14.000	Ban QLDA
2	Sửa chữa Hạ Tầng khu tái định cư ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	7.188	6.900			6.900				0							6.900	0	0	6.900	0	0	0	Phòng KT-HT
XVII	**Chi lĩnh vực Y tế**			**607**	-	-	-	-	-	-	-	-	**607**	-	-	-	-	-	**607**	**607**	-	-	-	-	-	
	Bồi thường, hỗ trợ dự án Trạm Y tế xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2024	607									607						607	607	0	0	0	0	0	UBND Mã Đà
XIX	**Chi lĩnh vực tài chính và khác**			**32.000**	**32.000**	**28.000**	-	**4.000**	-	-	-	**2.000**	**2.000**	-	-	-	-	-	**34.000**	**30.000**	-	**4.000**	-	-	-	
1	NSH ủy thác sang NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách	Huyện Vĩnh Cửu	hàng năm	27.000	27.000	24.000		3.000				2.000	2.000						29.000	26.000	0	3.000	0	0	0	NHCSXH huyện
2	Quỹ hỗ trợ nông dân	Huyện Vĩnh Cửu	hàng năm	5.000	5.000	4.000		1.000				0							5.000	4.000	0	1.000	0	0	0	Hội Nông dân
XX	**Hỗ trợ khen thưởng NTM**			**10.350**	**10.350**	-	**6.750**	**3.600**	-	-	-	**600**	-	-	**600**	-	-	-	**10.950**	-	**6.750**	**4.200**	-	-	-	
1	**Khen thưởng NTM nâng cao cho xã Vĩnh Tân**	Xã Vĩnh Tân	2021	1.000	1.000		1.000					0							1.000	0	1.000	0	0	0	0	Cấp chuyển giao
2	**Khen thưởng NTM nâng cao cho xã Thiện Tân**	Xã Thiện Tân	2022	1.000	1.000		1.000					0							1.000	0	1.000	0	0	0	0	Cấp chuyển giao
3	**Khen thưởng NTM xã Tân An**	xã Tân An	2022	1.000	1.000		1.000					0							1.000	0	1.000	0	0	0	0	Cấp chuyển giao
4	**Khen thưởng NTM kiểu mẫu xã Tân Bình**	Xã Tân Bình	2023	1.000	1.000			1.000				0							1.000	0	0	1.000	0	0	0	Cấp chuyển giao
5	**Khen thưởng NTM kiểu mẫu xã Phú Lý**	Xã Phú Lý	2024	1.000	1.000		1.000					0							1.000	0	1.000	0	0	0	0	Cấp chuyển giao
6	**Hỗ trợ thực hiện XD khu dân cư kiểu mẫu**			**2.550**	**2.550**	-	**1.350**	**1.200**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**2.550**	-	**1.350**	**1.200**	-	-	-	
	Xã Bình Lợi (03 khu)	Xã Bình Lợi	2022	450	450		450					0							450	0	450	0	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Phú Lý (02 khu)	Xã Phú Lý	2022	300	300		300					0							300	0	300	0	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Hiếu Liêm (01 khu)	Xã Hiếu Liêm	2022	150	150		150					0							150	0	150	0	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Vĩnh Tân (01 khu)	Xã Vĩnh Tân	2022	150	150		150					0							150	0	150	0	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Trị An (01 khu)	Xã Trị An	2022	150	150		150					0							150	0	150	0	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Tân Bình (01 khu)	Xã Tân Bình	2022	150	150		150					0							150	0	150	0	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Bình Lợi (01 khu)	Xã Bình Lợi	2024	150	150			150				0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Thạnh Phú (01 khu)	Xã Thạnh Phú	2024	150	150			150				0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Thiện Tân (01 khu)	Xã Thiện Tân	2024	150	150			150				0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Tân An (01 khu)	Xã Tân An	2024	150	150			150				0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Trị An (01 khu)	Xã Trị An	2024	150	150			150				0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Vĩnh Tân (01 khu)	Xã Vĩnh Tân	2024	150	150			150				0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Mã Đà (01 khu)	Xã Mã Đà	2024	150	150			150				0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Phú Lý (01 khu)	Xã Phú Lý	2024	150	150			150				0							150	0	0	150	0	0	0	Cấp chuyển giao
7	**Khen thưởng khu dân cư đạt chuẩn KDC kiểu mẫu**			**2.400**	**2.400**	-	**1.000**	**1.400**	-	-	-	**600**	-	-	**600**	-	-	-	**3.000**	-	**1.000**	**2.000**	-	-	-	
	Xã Bình Lợi (04 khu)	Xã Bình Lợi	2022-2023	400	800		400	400				0							800	0	400	400	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Bình Hòa (02 khu)	Xã Bình Hòa	2023	400	200			200				0							200	0	0	200	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Phú Lý (03 khu)	Xã Phú Lý	2023,2024	400	400			400				200			200				600	0	0	600	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Hiếu Liêm (02 khu)	Xã Hiếu Liêm	2023,2024	200	200			200				200			200				400	0	0	400	0	0	0	Cấp chuyển giao

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Tổng điều chỉnh	Điều chỉnh Lần 5						Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh						Chủ đầu tư
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT		NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỢNG VƯỢT THU	THU PHÍ SDHT	
	Xã Trị An (01 khu)	Xã Trị An	2023	200	200			200				0							200	0	0	200	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Tân Bình (03 khu)	Xã Tân Bình	2022	600	600		600					0							600	0	600	0	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Vĩnh Tân (01 khu)	Xã Vĩnh Tân	2024	200								200			200				200	0	0	200	0	0	0	Cấp chuyển giao
8	**Khen thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao**			**400**	**400**	-	**400**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**400**	-	**400**	-	-	-	-	
	Xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022	200	200		200					0							200	0	200	0	0	0	0	Cấp chuyển giao
	Xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022	200	200		200					0							200	0	200	0	0	0	0	Cấp chuyển giao
XXI	**Dự phòng chưa phân bổ**				**58.285**	**18.194**	**20.367**	**19.724**	**0**	**0**	**0**	**-16.432**	**-9.299**	**-2.000**	**-5.740**	**0**	**0**	**0**	**41.246**	**8.895**	**18.367**	**13.984**	**0**	**0**	**0**	